



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **79** /KH-UBND

Quảng Ngãi, ngày **12** tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp
đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Thực hiện Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nhằm triển khai các hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên môi trường số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy học, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá giúp tăng cường hiệu quả công tác quản lý và mở rộng phương thức cũng như cơ hội tiếp cận giáo dục nghề nghiệp tạo đột phá về chất lượng, tăng nhanh số lượng đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có kỹ năng nghề, tăng năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Một số chỉ tiêu cơ bản

a) Phát triển năng lực số cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp

- Phấn đấu 80% đến năm 2025 và 100% đến năm 2030 nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và cán bộ quản lý được đào tạo bổ sung nâng cao năng lực số, kỹ năng, phương pháp sư phạm phù hợp để triển khai đào tạo trên môi trường số.

- Phấn đấu 90% đến năm 2025 và 100% đến năm 2030 nhà giáo giáo dục nghề nghiệp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được đào tạo phát triển học liệu số.

b) Đổi mới và phát triển chương trình đào tạo

- Phấn đấu 70% vào năm 2025 và 100% vào năm 2030 chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của các trình độ được tích hợp năng lực số, có nội dung đào tạo phù hợp với phương thức chuyển đổi số.

- Phân đầu 100% chương trình đào tạo chuyên ngành công nghệ thông tin, công nghệ số được cập nhật phù hợp với ứng dụng khoa học công nghệ mới.

c) Hạ tầng, nền tảng và học liệu số

- Hình thành nền tảng số giáo dục nghề nghiệp và kho học liệu, tài nguyên số dùng chung phục vụ cho hoạt động dạy và học vào năm 2025.

- Phân đầu 80% vào năm 2025 và 100% vào năm 2030 trường cao đẳng, trường trung cấp có hạ tầng số, nền tảng số để kết nối, khai thác với nền tảng số giáo dục nghề nghiệp quốc gia.

d) Quản lý số và quản trị số

- Phân đầu 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

- Phân đầu 100% trường Cao đẳng, Trung cấp năm 2025, 100% cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030 số hóa quá trình học tập, kết quả học tập, văn bằng giáo dục nghề nghiệp của người học và kết nối, tích hợp dữ liệu lên môi trường số.

- Có 50% vào năm 2025 và 70% vào năm 2030 hoạt động kiểm tra chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Có 70% các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hình thành bản đồ số mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và liên kết bản đồ số mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các hệ thống chứng thực và tra cứu thông tin giáo dục nghề nghiệp.

- Phân đầu 100% báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về giáo dục nghề nghiệp được thực hiện trên môi trường số và kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số.

- Phân đầu ít nhất 80% đến năm 2025 và 100% đến năm 2030 các trường chất lượng cao là trường học số.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

a) Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan và chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

b) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các tiêu chuẩn về trường học số, hạ tầng số, phòng thực hành số, giáo trình số, chương trình đào tạo số, ứng dụng công nghệ thực tế ảo, thực tế ảo tăng cường, thực tế hỗn hợp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

c) Tổ chức triển khai thực hiện các kết nối, chia sẻ dữ liệu về cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

d) Thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư phát triển, xây dựng hệ sinh thái số giáo dục nghề nghiệp; khuyến khích việc tài trợ và đóng góp, ủng hộ vật chất cũng như các điều kiện khác thực hiện chuyển đổi số hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Phát triển chương trình, nội dung đào tạo các cấp trình độ giáo dục nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong nền kinh tế và hội nhập quốc tế

a) Xác định kiến thức và kỹ năng số cơ bản và nâng cao đối với người lao động trên môi trường số; lồng ghép vào chương trình đào tạo, các môn học liên quan tới kỹ năng số, công nghệ thông tin nhằm cung cấp các kỹ năng số cơ bản, nâng cao cho người học.

b) Tham gia xây dựng các bộ công cụ thích hợp để phân tích dữ liệu lớn. Dự báo các năng lực và kỹ năng số cần có của ngành, nghề, đặc biệt là các ngành nghề phục vụ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cập nhật, bổ sung, chỉnh sửa và xây dựng mới chuẩn kiến thức, năng lực thực hiện cho các ngành nghề đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số.

c) Phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao, các ngành nghề chuyên về công nghệ thông tin, công nghệ số phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

3. Phát triển hạ tầng, nền tảng, thiết bị và học liệu số

a) Hạ tầng số

- Xây dựng Trung tâm dữ liệu giáo dục nghề nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu về kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống dữ liệu quốc gia về việc làm, an sinh xã hội, giáo dục đào tạo...

- Tăng cường đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị, hệ thống an toàn thông tin phục vụ quản lý, điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Ưu tiên hình thức thuê, hợp tác công tư trong đầu tư hạ tầng số, thiết bị thực tập số, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành ảo, phòng học thông minh, các thiết bị phát triển học liệu số...phục vụ cho quá trình chuyển đổi số giáo dục nghề nghiệp.

b) Hạ tầng dữ liệu

- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý giáo dục nghề nghiệp có khả năng đồng bộ với hệ thống thông tin thị trường lao động và cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp. Triển khai nền tảng tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin trong và ngoài lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

- Xây dựng nền tảng hạ tầng cơ sở dữ liệu lớn phục vụ báo cáo tổng hợp và phân tích nhu cầu giáo dục nghề nghiệp, phân tích chất lượng dạy và học, hỗ trợ công tác tuyển sinh và các nghiệp vụ khác.

c) Nền tảng số và học liệu số

- Ưu tiên hình thức thuê, hợp tác công tư, thuê, đầu tư xây dựng, chuyển giao nền tảng số dạy và học trong giáo dục nghề nghiệp tỉnh.

- Đầu tư xây dựng nền tảng học liệu số cho giáo dục nghề nghiệp theo nguyên tắc kết hợp học liệu mở với xây dựng thị trường trao đổi học liệu. Ưu tiên đầu tư, phát triển các học liệu số theo hướng ứng dụng công nghệ thực tế ảo, thực tế ảo tăng cường và thực tế hỗn hợp.

- Đổi mới, cập nhật các chương trình đào tạo các ngành công nghệ thông tin, điện tử, tự động hóa, kỹ năng số...

4. Phát triển năng lực số cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp và đổi mới phương pháp dạy và học

a) Đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số cho nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp.

b) Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng các phương pháp dạy và học mới cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, người dạy trong các đơn vị sản xuất kinh doanh dịch vụ. Áp dụng hình thức học tập thích nghi, phối kết hợp hài hòa việc dạy và học trực tiếp tại trường với việc dùng các công nghệ, học liệu số, thiết bị thật, thiết bị ảo, phòng học ảo. Cá nhân hoá việc học tập.

c) Phát triển đội ngũ cán bộ chuyên về phát triển các ứng dụng số, học liệu số tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

5. Chuyển đổi số hoạt động quản lý nhà nước và quản trị nhà trường

a) Chuyển đổi số hoạt động quản lý nhà nước

- Xây dựng, nâng cấp các dịch vụ công trực tuyến, các phần mềm quản lý phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp.

- Xây dựng công cụ và triển khai hoạt động kiểm tra, hoạt động đảm bảo chất lượng, hoạt động đánh giá kỹ năng nghề thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Nâng cấp Cổng thông tin điện tử giáo dục nghề nghiệp, phần mềm kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về giáo dục nghề nghiệp.

- Kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

b) Chuyển đổi số trong quản trị của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Phát triển, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đồng bộ, thống nhất, đảm bảo kết nối, khai thác phục vụ xử lý thông tin theo yêu cầu quản lý, quản trị.

- Số hóa hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó chú trọng đến quản lý tuyển sinh, đào tạo, đảm bảo chất lượng, phát triển chương trình, quản lý nhà giáo, quản lý học sinh, sinh viên, kết nối doanh nghiệp.

- Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong và ngoài nước, đẩy mạnh hợp tác để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Đẩy mạnh việc đảm bảo chất lượng đối với việc dạy học trực tuyến.

- Triển khai việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập, đánh giá kỹ năng nghề trên môi trường số.

6. Huy động nguồn lực cho quá trình chuyển đổi số giáo dục nghề nghiệp

- Bố trí ngân sách địa phương hàng năm cho hoạt động chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp theo khả năng cân đối và cùng với nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương.

- Huy động nguồn lực đầu tư, khuyến khích hợp tác theo đối tác công tư từ các tổ chức, doanh nghiệp, từng bước hình thành mô hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong doanh nghiệp.

- Tăng cường vận động sự ủng hộ của các cơ quan, đơn vị, tổ chức cho hoạt động chuyển đổi số giáo dục nghề nghiệp.

7. Nâng cao nhận thức và hợp tác quốc tế

a) Nâng cao nhận thức của các cấp lãnh đạo, cán bộ quản lý, nhà giáo về vai trò quan trọng và sớm triển khai chuyển đổi số trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp nhằm xây dựng, hình thành hệ sinh thái số giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu của người học và mọi người dân trong nền kinh tế số, xã hội số.

b) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp thông qua phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức khác, lồng ghép trong các hoạt động, sự kiện liên quan; chú trọng biểu dương, tôn vinh những tập thể, cá nhân có kết quả tích cực, mang lại hiệu quả trong công tác quản lý, dạy và học từ chuyển đổi số để lan tỏa, nhân rộng.

c) Tăng cường trao đổi, học tập chia sẻ kinh nghiệm về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp với các quốc gia, tổ chức quốc tế.

8. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

a) Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng; quản lý và giám sát an toàn thông tin; bảo mật dữ liệu, bảo đảm cơ chế sao lưu, phục hồi máy chủ, máy trạm, các thiết bị đầu cuối liên quan.

b) Xây dựng hạ tầng, nền tảng số, dữ liệu số bảo đảm thông tin tin cậy, an toàn, lành mạnh; phát triển hệ thống nền tảng, hạ tầng, mạng lưới gắn với bảo đảm an toàn, an ninh mạng, có khả năng tự sàng lọc, phát hiện mã độc tấn công, bảo vệ mức căn bản.

c) Định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn, an ninh, các lỗ hổng bảo mật của hệ thống phần mềm và dữ liệu, kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý kịp thời.

d) Tổ chức lực lượng ứng cứu sự cố an toàn, an ninh mạng.

(Có phụ lục nhiệm vụ trọng tâm kèm theo)

III. NGUỒN KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện gồm: Ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư, tài trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, trong đó:

1. Ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định phân cấp ngân sách, tăng cường lồng ghép với các đề án, chương trình, kế hoạch liên quan đã được phê duyệt. Các sở, ban ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động bố trí kinh phí cho hoạt động chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.

2. Huy động các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng trong và ngoài nước cùng tham gia đầu tư, tài trợ kinh phí để nghiên cứu, ứng dụng công nghệ và thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.

3. Nguồn thu hợp pháp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

4. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp, hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện; tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch.

b) Tham mưu ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện quá trình chuyển đổi số trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

c) Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hàng năm và theo giai đoạn; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ thông tin nghiên cứu, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, hạ

tăng Internet dùng chung thống nhất trong hệ thống giáo dục quốc dân; đảm bảo kết nối Internet tới tất cả các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; có cơ chế, chính sách ưu đãi về dịch vụ Internet và dịch vụ công nghệ thông tin đối với người học, đội ngũ nhà giáo và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

b) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng, ban hành các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh, kết nối, chia sẻ dữ liệu có liên quan với cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp.

c) Chỉ đạo các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền về chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông, nền tảng số.

d) Căn cứ vào các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tại Kế hoạch này, xây dựng và đề xuất Kế hoạch hoạt động hàng năm của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi cho phù hợp với nhiệm vụ, chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán do các sở, ban ngành lập để thực hiện Kế hoạch này thẩm định dự toán, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thường xuyên để thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách tỉnh và phân cấp ngân sách hiện hành.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Hướng dẫn các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch vốn đầu tư công thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.

b) Chủ trì tổng hợp, trình UBND tỉnh kế hoạch đầu tư hàng năm để thực hiện các chương trình, dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội bố trí vốn đầu tư phát triển để thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp thực hiện các hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu giáo dục đào tạo với cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Căn cứ nội dung Kế hoạch cụ thể hóa, bố trí kinh phí thực hiện trong các chương trình, kế hoạch triển khai hàng năm; chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý triển khai các nội dung liên quan của Kế hoạch theo đúng quy định.

b) Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nội dung của Chương trình.

c) Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình hằng năm và theo giai đoạn; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo đúng mục tiêu Chương trình, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ để phối hợp triển khai các nội dung liên quan của Kế hoạch theo quy định.

b) Báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các sở, ngành, địa phương chủ động đề xuất gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - TB&XH (b/cáo);
- TT Tỉnh ủy (b/cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- BTT Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị- xã hội tỉnh;
- Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP(VX), CBTH;
- Lưu: VT, KGVXbthm236



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh